

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2025
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn H T, sinh năm 1974; HKTT: Thôn V, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: xxx Trần Q, tổ xx, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Vũ T T1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 15/10/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Nguyễn H T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H T và bà Vũ T T1t tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (số 21 ngày 13/4/2004). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện; Sau khi kết hôn ông T và bà T1 sống tại thôn V, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Ông T và bà T1 sống ly thân từ

tháng 9/2015 cho đến nay. Về tình cảm, ông T cho rằng không còn tình cảm gì với bà T1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà Vũ Thị T1.

- *Về con chung*: Ông Nguyễn H T xác định có 02 con chung là Nguyễn Hữu T2, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị L. T3, sinh năm 2003. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Nguyễn H T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Nguyễn H T xác nhận không có.

* *Đối với bị đơn bà Vũ Thị T1*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Vũ Thị T1 để biết việc ông Nguyễn H T gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Phát biểu của Kiểm sát viên*:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia hòa giải.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- *Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T, xử cho ông T được ly hôn với bà Vũ Thị T1

+ *Về quan hệ con chung*: các con chung là Nguyễn Hữu T2, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị L. T3, sinh năm 2003 đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét.

+ *Về nợ chung*: Không có.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn H T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn bà Vũ Thị T1 có nơi cư trú tại xã Hoà Liên, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng nên tranh chấp ly hôn giữa ông Nguyễn H T và bà Vũ T T1t thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa, tuy nhiên bị đơn bà Vũ Thị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H T và bà Vũ T T1t kết hôn với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (số 21 ngày 13/4/2004). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Xét đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, quá trình chung sống do có mâu thuẫn không tự giải quyết được nên ông T làm đơn xin ly hôn với bà Vũ Thị T1.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện để ông Nguyễn H T và bà Vũ T T1t được đoàn tụ cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay trực tiếp tranh tụng tại phiên tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó chứng tỏ bà T1 không có thiện chí níu kéo, hòa giải và mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Theo nội dung biên bản xác minh ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thì hiện nay bị đơn bà Vũ Thị T1 đang cư trú tại thôn V, xã H, huyện H, Tp Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn H T xác nhận giữa ông và bà T1 sống ly thân từ tháng 9/2015 cho đến nay, hiện nay không còn tình cảm gì, kiên quyết được ly hôn với bà T1. Từ những phân tích và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn của ông T và bà T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông Nguyễn H T được ly hôn với bà Vũ Thị T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn H T khai trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Vũ Thị T1 có 02 con chung là Nguyễn Hữu T2, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị L. T3, sinh năm 2003. Các con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện nay các con chung Nguyễn Hữu T2 và Nguyễn Thị L. T3 đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Do ông Nguyễn H T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Ông Nguyễn H T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn H T phải chịu là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H T về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn bà Vũ Thị T1, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn H T được ly hôn với bà Vũ Thị T1.

2. Về tài sản chung: Không giải quyết.

3. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn H T phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002419 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn H T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Vũ Thị T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H;
- (số 21, ngày 13/4/2004);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

